

CÁC NGUYÊN TẮC DẠY TỐT TRONG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Phạm Văn Tất

Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT

Để thực hiện việc giảng dạy tốt đáp ứng yêu cầu thực tế của hệ thống đào tạo tín chỉ ở các trường đại học hiện nay, bài báo này đưa ra các khác biệt giữa hai hệ thống đào tạo niên chế và đào tạo theo tín chỉ. Bài báo nhằm mục đích cung cấp cho giảng viên đại học có được hiểu biết căn bản nhất của hệ thống đào tạo tín chỉ, từ đó đề ra các nguyên tắc giảng dạy phù hợp. Bài báo này cũng đưa ra các nguyên tắc chung nhất giúp giảng viên giảng dạy tốt và đạt chất lượng cao đáp ứng đòi hỏi của hệ thống đào tạo tín chỉ; cũng có thể là cơ sở quan trọng để các nhà quản lý thực hiện điều hành và giám sát chất lượng đào tạo một cách hiệu quả.

Từ khóa: giảng dạy, niên chế, tín chỉ, nguyên tắc

*

1. Khác biệt giữa đào tạo niên chế và tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ bắt đầu được áp dụng ở Đại học Harvard (Hoa Kỳ) năm 1872, sau đó được mở rộng ra khắp Bắc Mỹ và thế giới. Đây là phương thức đào tạo theo triết lý xem “*người học là trung tâm của quá trình đào tạo*”. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, đào tạo theo tín chỉ không chỉ hiệu quả đối với các nước phát triển mà còn đối với các nước đang phát triển.

Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 được Chính phủ phê duyệt đã khẳng định: “... xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ...”. Trong *Chỉ thị năm học 2008 – 2009*, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức yêu cầu các trường đại học và cao đẳng “chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm học 2009 – 2010 hoặc muộn nhất là năm học 2010 – 2015”. Cho

đến nay, gần như tất cả các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc đã và đang chuyển đổi từ đào tạo niên chế (hoặc hỗn hợp niên chế + học phần) sang đào tạo theo tín chỉ với nhiều mức độ khác nhau.

Bài viết này nhằm cung cấp một bức tranh so sánh giữa hai phương thức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ trên một số phương diện chủ yếu nhằm mục đích giúp cho người dạy, người học và các nhà quản lý ở trường đại học nhận ra các khác biệt căn bản giữa hai phương thức đào tạo, từ đó điều chỉnh hoặc định hướng hoạt động và thực hiện công việc của mình cho phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Do mỗi quốc gia, thậm chí mỗi trường đại học trên thế giới có cách tổ chức đào tạo riêng đối với mỗi phương thức đào tạo, những đặc điểm được so sánh của hai phương thức đào tạo nêu trong bài viết này được chọn lọc từ những kinh nghiệm, cách làm có tính phổ biến (ở nhiều nước) và phù hợp với triết lý của mỗi phương thức đào tạo.

NIÊN CHẾ	TÍN CHỈ
Triết lí / tôn chỉ giáo dục đại học	
Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao và các phẩm chất cần thiết.	Cung cấp nguồn nhân lực có năng lực và tính thích nghi cao, khả năng học tập suốt đời trên cơ sở phát huy tính tự chủ của người học, đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa trong liên thông đào tạo và sử dụng lao động.
Đào tạo thiên về hàn lâm, chuyên sâu.	Hướng đến 4 trụ cột giáo dục của UNESCO đề ra năm 1996 (Học để biết, Học để làm, Học cách chung sống, Học làm người).
Tính tự chủ của người học	
Tất cả sinh viên (SV) đều cùng học theo một tiến độ chung.	Mỗi SV có thể tự xây dựng một tiến độ học tập riêng trong khung thời gian cho phép đối với bậc học tương ứng
Chương trình học là như nhau đối với tất cả SV, không có sự lựa chọn môn học.	Mỗi SV có thể chọn lựa môn học thích hợp với sở thích, khả năng trong số các môn học tự chọn
Yêu cầu liên thông	
Các môn học trong phạm vi một ngành học có tính liên thông	Các môn học trong phạm vi một trường có tính liên thông, hướng đến liên thông với các trường khác
Các bậc học trong phạm vi một ngành học có tính liên thông	Các bậc học trong phạm vi một trường có tính liên thông, hướng đến liên thông với các trường khác trong và ngoài nước
Chương trình học	
Căn cứ chủ yếu về thời gian để xây dựng chương trình: Thời gian SV có thể tham gia học tập trong 1 học kì (HK) / năm học (NH).	Căn cứ về thời gian để xây dựng chương trình: khối lượng làm việc của SV (student workload) trong 1 HK/NH.
Thời gian học tập của SV được xác định bằng thời lượng SV phải lên lớp, thực hành, thực tập...	Khối lượng làm việc của SV được xác định bằng thời lượng SV phải lên lớp, thực hành, thực tập... và thời gian cần thiết để tự nghiên cứu, tự học.
Được thiết kế theo cấu trúc môn học và theo mục tiêu đào tạo của ngành.	Được thiết kế theo cấu trúc mô đun và đáp ứng khả năng liên thông, lắp ghép giữa các ngành.
Được thiết kế để cho cùng một đầu ra (ví dụ (VD): cử nhân / kĩ sư).	Được thiết kế để có thể có hơn một đầu ra (VD: cử nhân/kĩ sư thiên về thực hành hoặc nghiên cứu).
Tổ chức đào tạo theo năm học: mỗi năm có 2 HK.	Tổ chức đào tạo theo HK: mỗi năm có 2-4 HK.
Độ dài của chương trình học được tính theo năm.	Độ dài của chương trình học được tính theo tín chỉ.
Chương trình đại học (phổ biến) có khoảng 200 đvht, chương trình cao đẳng có khoảng 150 đvht (1đvht = 45ph).	Chương trình đại học (phổ biến) có khoảng 120 tín chỉ, chương trình cao đẳng có khoảng 90 tín chỉ (1 tín chỉ = 50-60 phút).
SV phải hoàn thành khối lượng học tập tính theo năm học.	SV phải hoàn thành khối lượng học tập tính theo tín chỉ. Năm học của SV được xác định theo tổng số tín chỉ đã tích lũy. Ví dụ: SV năm I: tích lũy dưới 30 tín chỉ; SV năm II: từ 30 đến dưới 60 tín chỉ; SV năm III: từ 60 đến dưới 90 tín chỉ; SV năm IV: từ 90 đến dưới 120 tín chỉ.
Các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.	Các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của nhóm ngành đào tạo.
Không có môn học tự chọn.	Có các môn học tự chọn: môn tự chọn chính (major elective subject), môn tự chọn tự do (free elective subject), môn dự thính (audit subject)...
Các môn học được xây dựng chủ yếu dựa trên năng lực của	Các môn học được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu

đội ngũ giảng viên (GV).	xã hội và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa trong sử dụng lao động.
Phương pháp giảng dạy	
Ít nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của người học	Đặt nặng yêu cầu lấy người học làm trung tâm (learner-centered) hoặc lấy sự học làm trung tâm (learning-centered).
GV sử dụng phương pháp giảng dạy (PPGD) sao cho SV chủ yếu làm việc tại lớp (vì SV không có nhiều thời gian tự học).	GV sử dụng các PPGD sao cho SV phải sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm.
GV sử dụng các PPGD không yêu cầu đến tính đa dạng (về ngành học) của SV.	GV cần quan tâm đến tính đa dạng (về ngành học) của SV khi sử dụng các PPGD (vì SV học khác ngành có thể học chung một lớp môn học).
Phương pháp học tập	
SV không cần đăng ký kế hoạch học tập, không cần quan tâm lựa chọn môn học và xây dựng tiến độ học tập riêng.	SV cần đăng ký kế hoạch học tập cho từng HK, phải biết lựa chọn môn học và tiến độ học tập sao cho phù hợp với sở thích, năng lực và hoàn cảnh riêng.
SV cần lên lớp đầy đủ hoặc đạt tỉ lệ lên lớp tối thiểu.	SV cần thỏa mãn yêu cầu lên lớp (tính chuyên cần) đối với mỗi môn học.
SV chủ yếu hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân được GV giao.	SV cần tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm nhiều hơn ngoài thời gian lên lớp (1 tín chỉ cần khoảng 30 tiết tự học).
Không đặt nặng yêu cầu SV đọc tài liệu trước khi đến lớp.	SV cần đọc tài liệu trước khi đến lớp (vì GV không giảng giải cặn kẽ tất cả nội dung).
Ít đặt nặng yêu cầu về các kĩ năng mềm.	SV phải đạt được các kĩ năng mềm.
SV tuân thủ lịch học và thi chung của lớp.	SV thực hiện lịch học và thi của cá nhân.
SV chủ yếu học theo một ngành nhất định.	SV có thể dễ dàng học một lúc 2 ngành.
Phương pháp đánh giá học tập	
Kết quả học tập được đánh giá theo NH. Nếu SV nào không đạt yêu cầu học tập đối với một năm học thì có thể phải học lại năm học đó (lưu ban).	Kết quả học tập được đánh giá theo tổng số tín chỉ đã tích lũy. SV bị buộc thôi học nếu không đạt được điểm trung bình chung tích lũy nào đó sau một giai đoạn nhất định.
SV phải thi đạt tất cả các môn học qui định.	SV cần đạt đủ số tín chỉ và điểm trung bình chung tích lũy qui định theo từng năm và cả khóa.
Sử dụng thang điểm 10 (hoặc 100) và đề cao cách tính điểm tuyệt đối (criterion- referenced).	Sử dụng thang điểm 4 kết hợp thang điểm chữ, cho phép cách tính điểm tương đối (norm-referenced).
Xem trọng các kỳ thi hết môn (chiếm 70 - 100% điểm môn học).	Xem trọng đánh giá quá trình (chiếm 50% điểm môn học).
Tuyển sinh	
Tuyển sinh vào đầu mỗi NH.	Có thể tuyển sinh theo HK.
SV khó được chuyển ngành, chuyển trường.	SV được chuyển ngành, chuyển trường trên cơ sở các ngành / trường đáp ứng các yêu cầu về liên thông.
Quản lí sinh viên	
SV được quản lí và sinh hoạt chủ yếu theo lớp NH, theo khoa.	SV được quản lí học tập theo môn học, được khuyến khích tham gia các sinh hoạt chung của khoa, trường.
Hồ sơ học tập SV chủ yếu được trích xuất từ kết quả học tập chung của lớp NH.	Hồ sơ học tập SV mang tính cá thể, cần được theo dõi riêng.
SV được tư vấn chủ yếu bởi GV chủ nhiệm.	SV được tư vấn bởi cố vấn học tập, chuyên gia tâm lí.

2. Nguyên tắc dạy tốt trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Nâng cao chất lượng giảng dạy luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của giáo dục đại học Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây. "Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, kiểm định và đánh giá các cơ sở giáo dục" là một trong số 11 giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong Dự thảo Chiến lược giáo dục 2009-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, lâu nay hệ thống các trường đại học Việt Nam vẫn chưa có một "chuẩn" chung như thế nào là dạy tốt để định hướng hoạt động giảng dạy. Bài viết này giới thiệu **bảy nguyên tắc dạy tốt** ở bậc đại học đã được phổ biến rộng rãi ở các trường đại học Hoa Kỳ nhằm làm tư liệu tham khảo đối với các trường đại học ở Việt Nam. Mỗi nguyên tắc được trình bày gồm hai phần: phần đầu được dịch từ nguyên bản, phần sau được tổng hợp từ kinh nghiệm triển khai của các trường đại học Hoa Kỳ.

2.1. Tình hình giảng dạy ở nước ngoài

"Bảy nguyên tắc dạy tốt ở bậc đại học" (Seven Principles for Good Practice in Undergraduate Education) được xây dựng bởi Arthur W. Chickering (George Mason University) và Zelda F. Gamson (University of Massachusetts at Boston) và được phổ biến lần đầu bởi Hiệp hội các trường đại học Hoa Kỳ (AAHE) vào năm 1987. Sau đó, Quỹ Johnson đã cho in khoảng 200.000 tài liệu này để phân phát đến các trường đại học ở Hoa Kỳ, Canada và Anh. Trong những năm gần đây, nhiều trường đại học và tổ chức nghiên cứu giáo dục tiếp tục bổ sung những kinh nghiệm triển khai đối với bảy nguyên tắc này nhằm làm cho chúng cụ

thể và phù hợp hơn nữa với các điều kiện và hình thức giáo dục hiện nay. Ví dụ như hướng dẫn của University of Tennessee at Chattanooga, minh họa của University of Texas at El Paso, tổng hợp của TLT Group. Bảy nguyên tắc này được thừa nhận rộng rãi ở các trường đại học Hoa Kỳ là do chúng đã được đúc kết từ rất nhiều nghiên cứu được tiến hành trên các đối tượng người học và ngành học khác nhau. Đối tượng chính của bảy nguyên tắc này là giảng viên (GV) của các trường đại học, tuy nhiên sinh viên (SV) cần biết để điều chỉnh định hướng học tập của mình, và cán bộ quản lý nhà trường cũng cần biết để hoạch định và hỗ trợ công tác đào tạo tốt hơn.

2.2. Các nguyên tắc giảng dạy

Nguyên tắc 1: Tăng cường sự tiếp xúc giữa GV và SV. Sự tiếp xúc giữa thầy và trò trong và ngoài lớp học là yếu tố quan trọng nhất khuyến khích sinh viên học tập. GV cần quan tâm giúp SV vượt qua những lúc khó khăn, thử thách để theo đuổi việc học. Việc tiếp xúc với GV giúp cho SV gắn bó với học tập và định hướng tương lai tốt hơn.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- ấn định thời gian tiếp xúc SV tại nơi làm việc;
- tổ chức gặp gỡ SV ngoài giờ lên lớp hoặc tham dự các hoạt động của SV;
- cố gắng nhớ tên càng nhiều SV càng tốt;
- giúp SV giải quyết các thắc mắc nằm trong lẫn ngoài chương trình dạy;
- tư vấn cho SV về chương trình học và nghề nghiệp, quan tâm giúp đỡ những SV cá biệt;
- khuyến khích SV trình bày quan điểm

riêng và tham gia vào các buổi thảo luận;

- trao đổi riêng lẻ với SV để tìm hiểu mục tiêu học tập của họ và chia sẻ kinh nghiệm bản thân.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- khuyến khích SV trao đổi qua hệ thống thư điện tử;
- định kỳ tổ chức thảo luận trực tuyến cùng SV;
- tổ chức các nhóm làm việc theo địa phương;
- đến thăm các điểm làm việc nhóm khi có điều kiện;
- mời đồng nghiệp cùng tham gia hướng dẫn môn học.

Nguyên tắc 2: Khuyến khích các hoạt động hợp tác giữa SV. Chất lượng học tập trong môi trường làm việc nhóm phát triển tốt hơn so với làm việc cá nhân. Cũng giống như trong làm việc, học tập tốt cần đến sự hợp tác và trao đổi chứ không phải ganh đua và biệt lập. Làm việc nhóm giúp phát triển tính tích cực học tập, chia sẻ, trao đổi ý kiến giúp phát triển trí tuệ và làm sâu sắc thêm sự hiểu biết của mỗi cá nhân.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- khuyến khích mọi SV cùng tham gia trao đổi tại lớp;
- tổ chức các nhóm học tập và giao đề tài để SV làm việc nhóm;
- tổ chức và khuyến khích SV tự giúp đỡ nhau trong học tập;
- tính đến yếu tố chất lượng hoạt động nhóm khi đánh giá mỗi SV;
- khuyến khích SV tham gia các hoạt động tập thể trong trường.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- xây dựng đề tài để SV làm việc nhóm;
- tổ chức các địa điểm trao đổi giữa SV trong cùng địa phương;
- tổ chức trao đổi giữa SV trong các nhóm qua thư điện tử hoặc điện thoại;
- lập diễn đàn trên mạng để chia sẻ thông tin giữa các SV;
- định kỳ tổ chức thảo luận trực tuyến.

Nguyên tắc 3: Khuyến khích các phương pháp học tập tích cực. SV không học được gì nhiều nếu chỉ đến lớp để nghe giảng, ghi nhớ các dạng bài tập để làm các bài kiểm tra. SV cần được trao đổi về những điều được học, viết về chúng, liên hệ chúng với những điều đã biết và áp dụng chúng vào cuộc sống hàng ngày. SV cần được sở hữu thật sự những điều họ được dạy.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- giúp SV liên hệ những điều được học với thực tế;
- cung cấp những tình huống thực để SV phân tích;
- khuyến khích SV đưa ra các đề xuất và hoạt động mới đối với môn học;
- xây dựng các bài tập giải quyết vấn đề dựa trên nhóm SV và tổ chức cho SV báo cáo trước lớp;
- khuyến khích SV tranh luận với GV, với những SV khác, và có ý kiến về những nội dung trong tài liệu môn học với thái độ đúng mực.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- đa dạng hóa tài liệu học tập môn học để SV có thể có nhiều lựa chọn;
- xây dựng diễn đàn trên mạng để trao đổi với SV và giữa các SV với nhau;
- tổ chức chia sẻ, giới thiệu các kết quả

làm việc tốt của SV trên mạng;

- tổ chức các nhóm làm việc qua thư điện tử, điện thoại, hội thảo trực tuyến.

Nguyên tắc 4: Cung cấp thông tin phản hồi kịp thời. Sự học đòi hỏi phải biết những gì mình biết lẫn những gì mình chưa biết. SV cần được cung cấp thông tin phản hồi về năng lực của họ trong các khóa học. Khi bắt đầu vào trường, SV cần được đánh giá năng lực đầu vào. Tại lớp học, SV cần được thường xuyên thể hiện năng lực đồng thời nhận được nhiều ý kiến góp ý để không ngừng tiến bộ. Trong suốt thời gian ở trường, cũng như trước lúc ra trường, SV cần có nhiều cơ hội để thể hiện mình, để biết những gì mình còn phải học, và biết cách tự đánh giá năng lực bản thân.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- cho nhận xét vào bài làm của SV, góp ý cách khắc phục lỗi;
- thảo luận về kết quả làm bài của SV trước lớp hoặc với từng SV;
- sử dụng nhiều phương thức đánh giá khác nhau;
- sử dụng các phần mềm đánh giá có cung cấp thông tin phản hồi;
- tổ chức các buổi giải đáp thắc mắc đối với môn học;
- chấm và trả lại bài kiểm tra kịp thời cho SV.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho SV qua thư điện tử;
- sử dụng các phần mềm đánh giá có cung cấp thông tin phản hồi;
- thực hiện các bài kiểm tra trước và sau khi kết thúc môn học để giúp SV nhận

thấy sự tiến bộ;

- tổ chức các buổi giải đáp thắc mắc trực tuyến đối với môn học;
- cung cấp lời giải cho các bài kiểm tra sau khi chấm.

Nguyên tắc 5: Xem trọng yếu tố thời gian. Học tập yêu cầu thời gian và sự nỗ lực. Không có thời gian thì sự học không thể diễn ra. Sử dụng thời gian một cách hiệu quả là rất quan trọng đối với SV lẫn GV, vì vậy SV cần được hướng dẫn cách sử dụng thời gian tốt nhất cho việc học. Nhà trường cần định ra thời gian hợp lý dành cho SV, GV và cán bộ quản lý để mọi người đều có thể làm việc hiệu quả.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- hướng dẫn SV cách sử dụng thời gian hợp lý;
- dành thời gian hợp lý để SV hoàn thành các bài kiểm tra;
- trao đổi với SV về những mất mát nếu họ không tham gia lớp học;
- tổ chức gặp gỡ những SV không thường xuyên đến lớp để tìm hiểu nguyên nhân;
- tránh để mất nhiều thời gian do sử dụng các công nghệ dạy học.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- chú ý quỹ thời gian của các đối tượng SV khác nhau;
- xác định khung thời gian và những kết quả cần đạt được cho mỗi bài học;
- thiết kế qui trình tham gia buổi học hoặc trao đổi qua mạng sao cho ít tiêu tốn thời gian của SV;
- xây dựng qui định về việc SV tham gia học tập hoặc thảo luận qua mạng.

Nguyên tắc 6: Kỳ vọng nhiều vào SV.

Kì vọng cao thường cho kết quả tốt. Mọi người đều muốn được kì vọng cao, kể cả những người có năng lực còn hạn chế lẫn những người thông minh. SV sẽ cảm thấy phấn khởi để cố gắng hơn trong học tập nếu họ được GV và nhà trường đặt nhiều kì vọng và hỗ trợ họ đạt được những kì vọng đó.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- cung cấp cho SV chương trình chi tiết của môn học cùng những yêu cầu về bài kiểm tra, hạn phải nộp và thang điểm;
- khuyến khích SV chịu khó học tập và thể hiện năng lực của họ một cách cao nhất;
- góp ý cho SV về những mục tiêu học tập họ cần đạt được;
- có lời khen kịp thời về những nỗ lực và kết quả tốt từ SV;
- định kì cải tiến bài giảng theo hướng giúp SV luôn nỗ lực hơn nữa;
- tiếp xúc những SV có hạn chế về năng lực để tìm hiểu và có biện pháp hỗ trợ;
- lưu ý SV chú trọng vào việc nâng cao tri thức hơn là vào điểm số môn học.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- cung cấp cho SV chương trình chi tiết của môn học cùng những yêu cầu về bài kiểm tra, hạn phải nộp và thang điểm;
- xây dựng bài giảng và cho bài kiểm tra phù hợp với các đối tượng SV;
- đưa lên diễn đàn trên mạng của lớp các bài làm tốt của SV;
- xác định các mục tiêu cụ thể cần đạt được cho mỗi bài giảng;
- tạo điều kiện để SV góp ý về các hoạt động của lớp học;
- khuyến khích SV tham gia vào các hoạt động của môn học.

Nguyên tắc 7: Tôn trọng sự khác

biệt về năng khiếu và cách học. Sự học có thể diễn ra theo nhiều cách thức và mức độ khác nhau. SV vào trường với những năng khiếu và cách thức học tập không như nhau. Những SV tỏ ra vượt trội tại lớp học lí thuyết có thể lại chậm chạp trong các buổi thực hành và ngược lại. SV cần có cơ hội để phát triển năng khiếu và cách thức học tập riêng của họ đồng thời với việc họ được yêu cầu phát triển thêm các năng lực mới.

Đối với các lớp học truyền thống, GV nên:

- giới thiệu cho SV những cách thức học tập khác nhau và cho phép sự lựa chọn;
- sử dụng đa dạng các phương thức giảng dạy và hoạt động học tập;
- khuyến khích sự chia sẻ về kiến thức và kinh nghiệm học tập trong SV;
- tổ chức các nhóm học tập sao cho SV có thể hỗ trợ lẫn nhau;
- xây dựng các bài tập tình huống với nhiều lời giải khác nhau.

Đối với các lớp học từ xa, GV nên:

- khuyến khích SV đưa ra các quan điểm khác nhau;
- xây dựng các hoạt động học tập có tính đa dạng và gắn với thực tế ở các địa phương;
- chú ý đến sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế của SV khi xây dựng bài giảng và thiết kế các hoạt động, các bài kiểm tra.

3. Kết luận

Bài báo đã trình bày các khác biệt cơ bản nhất giữa hai hệ thống đào tạo niên chế và tín chỉ, đồng thời đưa ra các nguyên tắc cơ bản chung nhất cho tất cả các giảng viên tham khảo để thực hiện các công việc giảng dạy đạt hiệu quả nhất. Hy vọng bài báo này sẽ giúp được một phần nào thông

tin bổ ích để các giảng viên làm quen với làm cho người học tích cực và hiệu quả hơn.
phương pháp giảng dạy tích cực và từ đó

*

GOOD PRINCIPLES IN THE CREDIT-EARNING TRAINING SYSTEM

Pham Van Tat

Industrial University Of Ho Chi Minh City

ABSTRACT

In order to perform well at teaching, in order to satisfy the practical requirements of the credit-earning system in universities nowadays, this article shows the differences between the academic year training system and the credit-earning system across the world. This article aims to provide university lecturers with basic knowledge of the new training system, from which teaching principles are proposed. This article also shows some general principles to help lecturers teach well and achieve the high quality required to satisfy the requirements of the new training system. This is also an important basis for school administrators to effectively control and supervise the training quality in the future.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <http://www.vatgia.com/hoidap/4006/272184/so-sanh-uu-nhuoc-diem-cua-dao-cao-dao-theo-nien-che-va-dao-cao-theo-tin-chi.html>
- [2] [http://www.ktdn.edu.vn/files/news/1494/content/1509/Su khác biệt giữa tin chi và nien che - Xuan thu.pdf](http://www.ktdn.edu.vn/files/news/1494/content/1509/Su%20khac%20biet%20giua%20tin%20chi%20va%20nien%20che%20Xuan%20thu.pdf)
- [3] http://www.tnut.edu.vn/doc/pqthe_dtinchhi.htm
- [4] <http://dt.uss.edu.vn/tai-lieu-tham-khao/muc-tieu-su-pham-cua-he-thong-dao-cao-dao-theo-tin-chi-my-va-nhung-goi-y-cho-cai-cach-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam>
- [5] <http://www.cdspbrvt.edu.vn/portal/uploads/temp/vun2.pdf>